

NGHĨA CỦA TỪ

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS nắm được :

- Thế nào là nghĩa của từ ;
- Một số cách giải thích nghĩa của từ.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

1. Từ là một đơn vị hai mặt trong ngôn ngữ. Mặt hình thức của từ mang tính vật chất và là một tập hợp gồm ba thành phần : hình thức ngữ âm, hình thức cấu tạo và hình thức ngữ pháp. Mặt nội dung (còn gọi là mặt nghĩa) mang tính tinh thần và là một tập hợp gồm các thành phần : nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm và nghĩa biểu thái. Vì nội dung của từ là một tập hợp nhiều nét nghĩa và mang tính tinh thần nên việc nắm bắt nghĩa của từ không dễ dàng. Hơn nữa, trong hoạt động giao tiếp, từ không tồn tại một cách biệt lập mà thường nằm trong nhiều mối quan hệ khác nhau. Trong mối quan hệ lựa chọn (quan hệ đọc), từ có quan hệ với các từ khác trong cùng một trường, rõ nhất và tập trung nhất trong quan hệ với các từ đồng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa. Trong mối quan hệ cú đoạn (quan hệ ngang, quan hệ hình tuyến), từ gắn chặt với các từ khác trong sự kết hợp theo quy tắc ngữ pháp để tạo thành cụm từ, tạo thành câu. Chính vì những lí do này, chúng ta thấy việc giúp HS nắm nghĩa và sử dụng được đúng nghĩa của từ trong hoạt động giao tiếp là một việc tương đối khó khăn, phức tạp.

Theo các nhà nghiên cứu ngôn ngữ, *nghĩa của từ* là khái niệm về sự vật khách quan được phản ánh vào trong ngôn ngữ. Nghĩa của từ là một tập hợp các nét khu biệt. Ví dụ, từ *anh* trong tiếng Việt gồm các nét nghĩa : đàn ông, sinh trước, xét trong quan hệ gia đình với người cùng thế hệ, ...

2. Để đánh giá khả năng hiểu nghĩa của từ, có thể có nhiều cách khác nhau. Dưới đây là một số cách thường gặp :

a) Cho sẵn một số từ và những nét nghĩa phù hợp với từng từ nhưng sắp xếp không theo trình tự, yêu cầu HS sắp xếp lại vị trí các từ sao cho phù hợp với những nét nghĩa đó. Ví dụ :

Điền các từ *để bạt, để cù, để xuất, để đạt* vào chỗ trống cho phù hợp với nội dung :

-... : trình bày ý kiến hoặc nguyện vọng lên cấp trên.

-... : cử ai đó giữ chức vụ cao hơn.

-... : giới thiệu ra để lựa chọn và bầu cử.

-... : đưa vấn đề ra để xem xét, giải quyết.

Khi HS điền từ đúng vào vị trí thích hợp, điều đó có nghĩa là các em đã hiểu nghĩa của từ.

b) Chọn từ để điền vào chỗ trống trong câu văn, câu thơ. Những từ cần kiểm tra HS trong việc nắm nghĩa có thể được cho trước hoặc HS tự tìm.

Ví dụ, để kiểm tra việc nắm nghĩa của từ *hi sinh*, GV có thể ra những bài tập kiểu như sau :

- Chọn từ để điền vào chỗ trống : *Chúng ta thà... tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.*

- Chọn trong số các từ *chết, hi sinh, thiệt mạng* một từ thích hợp để điền vào chỗ trống : *Trong trận chiến đấu ác liệt vừa qua, nhiều đồng chí đã...*

c) Cho trước từ cần kiểm tra việc hiểu nghĩa, sau đó cho một số câu có chứa từ ấy nhưng chỉ có một câu dùng đúng nghĩa, yêu cầu HS đánh dấu vào câu đúng đúng.

Ví dụ, cần kiểm tra việc nắm nghĩa của từ *ngoan cường*, GV có thể ra bài tập như sau :

Hãy đánh dấu vào câu dùng đúng từ *ngoan cường* :

- *Bọn địch dù chỉ còn đám tàn quân nhưng vẫn rất ngoan cường chống trả từng đợt tấn công của bộ đội ta.*

- *Trên điểm chót, các đồng chí của chúng ta đã ngoan cường chống trả từng đợt tấn công của địch.*

- *Trong lao động, Lan là một người rất ngoan cường, không hề biết sợ khó khăn, gian khổ.*

Khi HS đánh dấu đúng, có nghĩa là HS đã hiểu được đúng nghĩa của từ.

d) Cho một câu có chứa từ cần giải thích, sau đó dựa vào nghĩa đã được dùng, tự đặt một câu khác.

Ví dụ, cần kiểm tra việc nắm nghĩa của từ *đội*, GV có thể ra bài tập như sau :

Dựa vào nghĩa của từ *đội* được dùng trong câu dưới đây, em hãy dùng từ ấy để đặt một câu khác : *Một hôm thần vươn vai đứng dậy, ngẩng đầu đội trời lên.*

e) Cho sẵn từ và yêu cầu HS tập dùng lời để giải thích. Thực chất của việc này là tập nêu những nét nghĩa biểu niệm của từ.

Ví dụ với từ *đi*, GV có thể giúp HS tách ra những nét nghĩa : hoạt động dời chỗ, với tốc độ bình thường, bằng hai chân và không cùng nháy khỏi mặt đất một lúc.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái niệm nghĩa của từ.

GV cho HS đọc phần giải thích và giúp HS hiểu phần đó (trong SGK là phần đứng sau dấu hai chấm) là phần để nêu lên nghĩa của từ.

Hoạt động 2. Tìm hiểu cách giải thích nghĩa của từ.

Qua bốn trường hợp được giải thích, có thể nhận ra hai cách giải thích nghĩa đã được sử dụng :

– **tập quán** được giải thích bằng cách trình bày khái niệm mà từ biểu thị (thói quen của một cộng đồng được hình thành từ lâu đời trong đời sống, được mọi người làm theo).

– **lâm liệt, nao núng** được giải thích bằng cách đưa ra các từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa (*hung dung, oai nghiêm ; lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa*).

Hoạt động 4. Ghi nhớ.

GV hướng dẫn HS tìm hiểu phần *Ghi nhớ*.

Hoạt động 5. Luyện tập.

GV hướng dẫn HS luyện tập.

IV – GỢI Ý GIẢI MỘT SỐ BÀI TẬP

Bài tập 1

Yêu cầu HS xác định được cách giải thích nghĩa trong một số chú thích ở ba truyện ngụ ngôn đã học (*Éch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi, Đeo nhạc cho mèo*) thuộc cách giải thích nghĩa nào.

Bài tập 2

- a) **học tập** : học và luyện tập để có hiểu biết, có kỹ năng.
- b) **học lỏm** : nghe hoặc thấy người ta làm rồi làm theo, chứ không được ai trực tiếp dạy bảo.
- c) **học hỏi** : tìm tòi, hỏi han để học tập.
- d) **học hành** : học văn hóa có thầy, có chương trình, có hướng dẫn.

Bài tập 3

Điền từ theo trật tự sau :

- a) *trung bình*
- b) *trung gian*
- c) *trung niên*

Bài tập 4

Mỗi từ đều có thể được giải thích nghĩa bằng nhiều cách khác nhau. Nhưng tiện lợi hơn cả là giải nghĩa *giếng*, *rung rinh* bằng cách trình bày khái niệm, *hèn nhát* bằng cách đưa ra từ trái nghĩa.

- **giếng** : hố đào thẳng đứng, sâu vào lòng đất, để lấy nước.
- **rung rinh** : chuyển động qua lại, nhẹ nhàng, liên tiếp.
- **hèn nhát** : thiếu can đảm (đến mức đáng khinh bỉ).

Bài tập 5*

Mất là một từ nhiều nghĩa. Các nghĩa của một từ nhiều nghĩa có quan hệ với nhau nhưng vẫn là những nghĩa khác nhau. Giải thích nghĩa một từ sai với hoàn cảnh sử dụng của nó cũng là giải thích nghĩa sai. Chỉ có điều cái sai của Nụ là cố ý đánh tráo 2 nghĩa của từ *mất* để khỏi bị trách phạt :

- *Mất* theo cách giải nghĩa của nhân vật Nụ là "không biết ở đâu".
- *Mất* hiểu như trong cách nói *mất cái ví*, *mất cái ống voi*,... là "không còn được sở hữu, không có, không thuộc về mình nữa".